

VẤN ĐỀ NƯỚC PHÁP RÚT KHỎI NATO NHỮNG NĂM 60 CỦA THẾ KỈ XX VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN NỘI BỘ LIÊN MINH

Ths. Lê Duy Thắng

Trường Sĩ quan Chính trị Bắc Ninh

Là một trong những nước đầu tiên tham gia sáng lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và có những đóng góp không nhỏ đối với sự phát triển của Liên minh, do đó vấn đề nước Pháp tuyên bố rút khỏi Bộ Chỉ huy NATO trong những năm 60 của thế kỉ XX đã tác động không nhỏ đến cơ cấu tổ chức cũng như hoạt động của NATO, đồng thời cũng đánh dấu những rạn nứt và chia rẽ đầu tiên trong nội bộ của khối quân sự này. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến xu hướng li tâm của Pháp trong Bộ Chỉ huy quân sự NATO?

Có thể thấy rằng những chia rẽ trong nội bộ NATO chủ yếu thể hiện trên hai phương diện: *Thứ nhất*, những chia rẽ xung quanh nhận định về các mối uy hiếp từ bên ngoài và *thứ hai*, những chia rẽ xung quanh cơ cấu quản lí nội bộ của NATO. Hai phương diện này lại ảnh hưởng lẫn nhau. Cùng với sự mở rộng không ngừng của NATO, những chia rẽ xung quanh hai phương diện này xuất hiện ngày càng nhiều. Trên thực tế, sự đoàn kết của NATO đã bị phá hoại ngay từ đầu, đặc biệt là sau khi Charles De Gaulle lên làm Tổng thống Pháp. De Gaulle luôn giữ thái độ phản cảm đối với vị trí lãnh đạo của Mỹ tại NATO,

ông còn cho rằng giữa Anh và Mỹ tồn tại mối quan hệ đặc biệt. De Gaulle chủ trương thành lập một Hội đồng xử lí các công việc của 3 nước để Pháp có địa vị bình đẳng với Mỹ và Anh, buộc các quốc gia khác phải thừa nhận địa vị “siêu cường” của Pháp. Ông cho rằng, phạm vi và trình tự hành động do NATO quy định trước đây không tương xứng với chiến lược và tình hình chính trị lúc đó. Pháp yêu cầu phải có được quyền lợi tương ứng với trách nhiệm của mình. Hội đồng xử lí của 3 nước sẽ đưa ra các vấn đề chung. De Gaulle yêu cầu NATO phải mở rộng phạm vi của mình đến châu Phi, Ấn Độ Dương, các khu vực khác mà Pháp hứng thú. Tuy nhiên, tất cả những yêu cầu này của Pháp đã bị Tổng thống Mỹ Eisenhower và Thủ tướng Anh Harold Macmillan thẳng thừng từ chối.

Thất vọng và tức giận vì bị đối xử như một nước nhỏ, ngày 11/3/1953, Pháp thông báo rút lực lượng quân đội thuộc NATO của mình khỏi Địa Trung Hải. Ba tháng sau, De Gaulle cấm không cho bố trí vũ khí hạt nhân của nước ngoài trên lãnh thổ Pháp. Điều này làm cho Mỹ phải rút 200 máy bay quân sự khỏi Pháp, sau đó phải giao 10 căn cứ quân sự cho Pháp quản lí. Tuy trong thời

gian cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba, Pháp tỏ ra đoàn kết với các quốc gia NATO nhưng De Gualle vẫn tiếp tục thực hiện chính sách quốc phòng độc lập, rút khỏi NATO hạm đội Đại Tây Dương và hạm đội Eo biển của Pháp.

Tháng 3 năm 1966, Pháp rút toàn bộ quân đội khỏi các căn cứ quân sự của NATO. Trong bức thư gửi Tổng thống Mỹ L. Jonhson ngày 7 tháng 3 năm 1966, Tổng thống Pháp De Gualle giải thích: “... việc Pháp rút khỏi Ủy ban Quân sự NATO không phải xuất phát từ những mâu thuẫn về quyền lợi, càng không phải vì nước Pháp không muốn bảo vệ nền an ninh châu Âu mà do Pháp muốn bảo vệ toàn vẹn chủ quyền của nước mình, nơi các đơn vị quân đội và lực lượng không quân NATO (chủ yếu là các đơn vị quân đội Mỹ) đang hiện diện”¹. Tiếp đó, trong cuộc họp báo ngày 21 tháng 3 năm 1966, Tổng thống De Gualle tuyên bố: “Mục đích của việc thành lập NATO là nhằm bảo vệ hòa bình và an ninh ở châu Âu nói riêng và trên thế giới nói chung”. Tuy nhiên, trong hơn 10 năm tồn tại, trong khi các nước thành viên châu Âu luôn “tuân thủ nghiêm chỉnh” mục tiêu trên, thì Mỹ lại là nước đã và đang tham gia hoặc trực tiếp tiến hành nhiều cuộc chiến tranh ở nhiều nơi trên thế giới như ở Triều Tiên, Cu Ba, đặc biệt là cuộc chiến tranh tại Việt Nam...²

Sau tuyên bố của Tổng thống De

Gualle, tháng 4 năm 1966, một số cơ quan và tổng hành dinh NATO lần lượt di dời khỏi nước Pháp; Bộ Tư lệnh Tối cao Lực lượng vũ trang thống nhất NATO được chuyển về thành phố Castô (ngoại ô Brusses, Bỉ); Bộ Tư lệnh lực lượng NATO tại Trung Âu chuyển về Hà Lan; Học viện quốc phòng NATO chuyển về Roma (thủ đô của Italia). Mặc dù Pháp không yêu cầu Hội đồng NATO phải di dời khỏi Pari, nhưng tháng 5 năm 1956, cơ quan này đã chuyển về vùng ngoại ô Brusses.

Cùng với việc di chuyển một số cơ quan NATO khỏi nước Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1966, toàn bộ quân đội nước ngoài gồm hơn 70.000 quân nhân Mỹ, 1.000 quân nhân Italia, cùng các sở chỉ huy, căn cứ hậu cần, kho tàng, bến bãi và hơn 770.000 tấn trang thiết bị quân sự cũng lần lượt di dời từ Pháp đến thành phố Stutgat (Liên bang Đức). Sau khi cơ quan và đơn vị quân đội NATO rút khỏi nước Pháp, nước này được quyền tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất của các đơn vị NATO cùng 46 sân bay quân sự được xây dựng từ những năm 50 của thế kỉ XX theo Chương trình Phát triển lực lượng NATO.

Đối với Pháp, mặc dù tới tận ngày 1 tháng 10 năm 1966, nước này mới chính thức kết thúc mọi hoạt động trong Ủy ban Quân sự NATO, nhưng ngay từ tháng 2 năm 1966, Pháp đã chấm dứt các khoản đóng góp cho NATO bao gồm các khoản chi trả cho việc duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của NATO tại Pháp, khoảng 12% trong

¹ NATO – *Threat to World Peace*, Progress Publishers, Moscow, 1971, p. 108.

² NATO – *Threat to World Peace*, sdd, p. 110.

tổng số 35 triệu đôla mà các nước thành viên phải đóng góp hàng năm cho NATO. Tuy vậy, Pháp vẫn đóng góp và chia sẻ tài chính cho một số cơ quan, tổ chức của NATO như: Trung tâm Nghiên cứu kỹ thuật NATO tại Hagor; Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng kỹ thuật chống tàu ngầm tại La Spezia (Italia) và Hệ thống Phòng không và Cảnh báo sớm tên lửa đạn đạo NADGE. Cùng với việc chấm dứt các khoản đóng góp, tháng 6 năm 1966, Pháp ban hành quy định mới nhằm kiểm soát các chuyến bay của NATO trên không phận nước mình. Theo quy định này, tất cả các chuyến bay của NATO qua không phận Pháp phải được sự cho phép của cơ quan kiểm soát không lưu Pháp, nếu không phải đóng thuế theo quy định của của Luật Hàng không quốc tế.

Cùng với các biện pháp kể trên, ngày 1 tháng 7 năm 1966, hơn 70.000 sĩ quan và binh sĩ Pháp đang làm nhiệm vụ tại Cộng hòa Liên bang Đức được lệnh về nước, ngoài ra còn có hơn 1.600 sĩ quan và binh sĩ khác đang làm việc tại Bộ Tư lệnh Tối cao lực lượng đồng minh NATO tại châu Âu; Bộ Tư lệnh Lực lượng đồng minh NATO tại châu Âu và Học viện quốc phòng NATO... cũng lần lượt rút khỏi các nhiệm sở.

Đề cập tới nguyên nhân dẫn tới việc Pháp quyết định rút khỏi Ủy ban Quân sự NATO, nhiều nhà phân tích chính trị cho rằng, vào thập kỉ 60 của thế kỉ XX, dưới sự lãnh đạo của De Gaulle, nước Pháp đang dần dần lấy lại vị thế của mình ở châu Âu và muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.

Điều đó được chứng minh qua những con số và sự kiện trên các lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Trên lĩnh vực kinh tế, trong thời gian từ năm 1960 đến năm 1970, tốc độ phát triển kinh tế của nền kinh tế Pháp tương đối nhanh, tổng giá trị sản xuất trong nước đã tăng lên 5,6%, vượt qua thời kì những năm 50-60 là 4,8%. Giá trị sản xuất công nghiệp cơ khí năm 1950 là hơn 10 tỉ frăng, vào năm 1963 tăng gấp 16,5 lần. Công nghiệp sản xuất xe hơi phát triển rất nhanh vào cuối thập kỉ 60, đầu thập kỉ 70. Năm 1970, Pháp đã sản xuất 270.000 xe hơi, tăng hơn 8 lần so với những năm 50 của thế kỉ XX. Ngành công nghiệp hàng không của Pháp đứng thứ ba trên thế giới. Đến năm 1970, GDP của Pháp đạt 140,9 tỉ USD, vượt qua Anh, Nhật Bản và Cộng hòa liên bang Đức và đứng thứ tư trong thế giới tư bản.

Đi đôi với việc sản xuất phát triển, nguồn dự trữ vàng và ngoại tệ của Pháp cũng gia tăng. Năm 1958, Pháp có nguồn dự trữ là 1 tỉ 500 triệu USD. Đến năm 1965 con số này lên tới 5 tỉ 210 triệu USD. Nhờ có sự tăng trưởng kinh tế và dự trữ ngoại tệ ở mức cao, ngày 12 tháng 12 năm 1965, Bộ trưởng Tài chính Pháp tuyên bố rút khỏi chế độ bàn vị hối đoái vàng để khôi phục trở lại chế độ kim bản vị cho đồng frăng. Nền kinh tế Pháp đã dần dần thoát khỏi sự phụ thuộc vào Mỹ³.

³ Từ Thiên Tân – Lương Chí Minh, *Lịch sử thế giới thời đương đại 1945-2000*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 256.

Trên lĩnh vực đối ngoại, vào thập kỉ 60, De Gualle thực thi chính sách đối ngoại độc lập và tự chủ, ông kiên trì phát triển lực lượng hạt nhân của Pháp và kiên quyết không tham gia vào các điều ước cấm thử và phổ biến vũ khí hạt nhân. Tháng 2 năm 1960, Pháp thử thành công bom nguyên tử và trở thành cường quốc hạt nhân. Năm 1963, De Gualle dứt khoát bác bỏ lời yêu cầu của Kennơđi là Pháp nên bỏ kế hoạch xây dựng lực lượng hạt nhân độc lập. Ông còn chủ trương xây dựng liên minh "Pháp - Cộng hòa Liên bang Đức" nhằm lấy đó làm nền tảng cho một châu Âu thống nhất. De Gualle cũng công khai tuyên bố sự hợp tác giữa Pháp và Đức sẽ là nhân tố chủ yếu cho an ninh châu Âu, đồng thời cũng là sức mạnh để phá vỡ sự bá quyền của Mỹ trong Liên minh Bắc Đại Tây Dương. Với chủ trương trên, từ những năm đầu thập kỉ 60, Pháp và Cộng hòa Liên bang Đức đã kí hàng loạt hiệp định, hiệp ước, quy định nguyên thủ và đại diện hai quốc gia sẽ có các cuộc họp định kì để điều chỉnh chính sách của hai bên và tham vấn những vấn đề có liên quan đến sự hợp tác và thống nhất châu Âu. De Gualle kiên quyết bác bỏ xu hướng đi theo Mỹ trong mọi trường hợp.

Bên cạnh việc củng cố mối quan hệ với Cộng hòa Liên bang Đức, Pháp còn chủ trương mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 3 năm 1960, De Gualle mời Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương (BCHTW) Đảng Cộng sản Liên Xô Khrusốp sang thăm Pháp. Trong cuộc hội

đàm, hai bên đã đề ra ba chính sách nổi tiếng là Hòa hoãn, Hiểu nhau và Hợp tác cùng ý tưởng về xây dựng một châu Âu từ Đại Tây Dương đến Uran. Tiếp đó, đến tháng 6 năm 1966, De Gualle sang thăm Liên Xô và đã kí với Tổng Bí thư BCHTW Đảng Cộng sản Liên Xô Bờrêgionep Hiệp định Mậu dịch, Văn hóa và Hiệp định Thăm dò Không gian và Kỹ thuật, đồng thời quyết định đặt đường "dây nóng" Pari-Matxcova. Tháng 1 năm 1964, Pháp là một nước lớn phương Tây đầu tiên đặt quan hệ ngoại giao cấp đại sứ với Trung Quốc. Những năm sau đó, quan hệ ngoại giao giữa Pháp với các nước Đông Âu cũng dần được thiết lập và mở rộng. Như vậy, rõ ràng chính sách ngoại giao độc lập của De Gualle không chỉ nâng cao vị thế của nước Pháp trên trường quốc tế thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ Hai mà còn là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến Pháp quyết định rút khỏi Ủy ban Quân sự NATO, một tổ chức đang bị Mỹ thao túng.

Tiên lượng được những tác động tiêu cực của việc Pháp rút ra khỏi Ủy ban Quân sự NATO đối với sự ổn định của toàn Khối, ngày 18 tháng 3 năm 1966, theo đề nghị của Mỹ, 14 nước còn lại của NATO đã nhóm họp tại Brussles và ra Tuyên bố chung, trong đó nhấn mạnh: "... *Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương nói chung và Ủy ban Quân sự nói riêng thành lập trên cơ sở đồng thuận và vì một mục đích chung là đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu. Trong suốt hơn 15 năm tồn tại, NATO đã*

thực sự trở thành công cụ hữu hiệu cho các mục tiêu đó. Đây là một tổ chức chưa từng có trong lịch sử, những nỗ lực và sự đóng góp của các nước thành viên trong thời gian qua là rất to lớn. Chúng ta khẳng định NATO thực sự là cần thiết đối với châu Âu và nó sẽ tiếp tục tồn tại, không một tổ chức song phương hay đa phương nào có thể thay thế được”.⁴

Sau Tuyên bố chung của NATO, ngày 22 tháng 3 năm 1966, Tổng thống Mỹ Johnson đã gửi bức thư thứ hai cho Tổng thống Pháp De Gualle, trong đó vừa đề nghị Pháp xem lại quyết định của mình, vừa yêu cầu Pháp giải thích tính hợp lệ của quyết định đó. Nhiều nước thành viên khác của NATO như Cộng hòa Liên bang Đức, Anh, Bỉ, Canada... sau đó cũng có các cuộc thương lượng và thỏa thuận riêng với Pháp. Tuy nhiên, tất cả các nỗ lực của họ đều không đem lại kết quả mong muốn. Ngày 1 tháng 10 năm 1966, Pháp chính thức kết thúc mọi hoạt động của mình trong Ủy ban Quân sự NATO. Trên thực tế, NATO chỉ còn lại 14 nước thành viên.

Điều gì đã khiến Mỹ và NATO quyết tâm thuyết phục, kể cả gây áp lực nhằm buộc Pháp ở lại NATO? Phải chăng đó là những đóng góp hay vai trò quá lớn của Pháp trong tổ chức này trong suốt hơn 15 năm?

Trong Tuyên bố chung ngày 18 tháng 3

năm 1966, mặc dù cả NATO và Mỹ đều ngầm khẳng định: “NATO sẽ tiếp tục tồn tại, bất chấp sự ra đi của Pháp”, nhưng sau các cuộc họp khẩn cấp của Hội đồng NATO, nhiều nhà phân tích chiến lược và chính trị NATO đã cảnh báo: “Việc Pháp rút ra khỏi Ủy ban Quân sự NATO sẽ tạo nên một sự rạn nứt rất lớn, mặt trận chung chống các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc của NATO sẽ bị phân liệt thành hai khuynh hướng trái ngược nhau. Các hoạt động quân sự của NATO ở hai chiến trường Bắc và Trung Âu sẽ bị cô lập khỏi chiến trường Nam Âu bởi một vành đai các nước trung lập gồm Áo, Thụy Sĩ và Pháp. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh hay xung đột, các nước trung lập này sẽ không tham gia phía NATO. Lúc đó, NATO hoặc là phải đối mặt với vô vàn khó khăn, từ việc triển khai quân đến việc bảo đảm hậu cần, giao thông liên lạc..., hoặc là phải vi phạm các nguyên tắc về vành đai trung lập và chấp nhận sự chỉ trích, lên án của dư luận thế giới”.⁵ Như vậy, rõ ràng vị trí chiến lược của Pháp tại châu Âu là nguyên nhân chủ yếu khiến Mỹ và NATO quyết tâm thuyết phục, kể cả gây áp lực nhằm buộc Pháp phải ở lại NATO chứ không phải những đóng góp hay vai trò quá lớn của nước này.

Đúng như nhận định của các nhà phân tích chính trị và các chiến lược gia NATO, sau khi Pháp tuyên bố rút khỏi Ủy ban Quân

⁴ NATO – Threat to World Peace, sdd, p. 116.

⁵ NATO – Threat to World Peace, sdd, p. 119.

sự, NATO đã bị chia rẽ sâu sắc. Một số nước có khuynh hướng theo Pháp giảm dần những đóng góp cả về tài chính lẫn nhân lực cho Khối, số khác có thái độ chống NATO rõ rệt. Tháng 4 năm 1966, nhân cơ hội Pháp tuyên bố rút ra khỏi Ủy ban Quân sự NATO, Đảng Liên minh trung tâm, một đảng đang có ảnh hưởng rất lớn tại Hy Lạp đã phát động phong trào chống NATO trong toàn quốc. Đảng này đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi không chỉ của các tầng lớp nhân dân mà còn của các quan chức trong Chính phủ. Ngày 12 tháng 4 năm 1966, Bộ trưởng Ngoại giao Hy Lạp Tririmokót chính thức tuyên bố: Hy Lạp muốn tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với Pháp. Ông còn yêu cầu NATO nên cải thiện và sửa đổi nội dung Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương cho phù hợp với tình hình mới. Cũng tại Hy Lạp, đầu năm 1967, ông Papandrêu, Chủ tịch Đảng Liên minh trung tâm, đã công khai chỉ trích và phê phán thái độ của NATO đối với các vấn đề đảo Síp. Ông cho rằng, trong cuộc chiến tại đảo Síp cuối năm 1963 giữa cộng đồng người Síp gốc Hy Lạp và cộng đồng người Síp gốc Thổ Nhĩ Kỳ, NATO đã đứng về phía người dân Thổ Nhĩ Kỳ để dàn xếp chiến tranh. Vì vậy, nó đã trở thành một trong những nguyên nhân khiến hòn đảo này luôn chìm ngập trong các cuộc xung đột sắc tộc. Trong cuộc trả lời phỏng vấn phóng viên báo Augon của Síp, Ông Papandrêu còn công khai tuyên bố: Đảng Liên minh trung tâm thừa nhận vai trò thành viên của Hy Lạp trong NATO, nhưng không thừa nhận Hy Lạp trở thành một

vùng chiếm đóng của NATO, v.v...

Cũng giống như Hy Lạp, tại Thổ Nhĩ Kỳ, vào cuối thập kỉ 60, làn sóng bất bình của dân chúng đối với NATO ngày càng dâng cao. Họ phản đối vị thế bất bình đẳng giữa các thành viên NATO, đặc biệt là giữa Mỹ và các thành viên còn lại, trong đó có Thổ Nhĩ Kỳ. Họ cho rằng, "*NATO là công cụ chủ yếu phục vụ cho các quyền lợi của Mỹ, đó là chiếc cầu hợp thức để Mỹ mở rộng ảnh hưởng sang bên kia bờ Đại Tây Dương...*".⁶ Mặc dù không có những động thái kiểu cực đoan như Pháp, nhưng chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã ngầm ngầm ủng hộ quyết định ra đi của Pháp. Họ tỏ ra nghi ngờ với chính sách "Phòng thủ tập thể" và "An ninh chung" của NATO tại châu Âu. Vào thời điểm sau khi Pháp rút khỏi Ủy ban Quân sự NATO, nhiều quan chức cấp cao trong chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tự chất vấn và trả lời nhiều chất vấn của các tầng lớp nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ như: Tại sao Thổ Nhĩ Kỳ không được sử dụng lực lượng của mình trong thành phần NATO để bảo vệ quyền tối thượng của đất nước, trong khi đó, khi cần, Mỹ có thể dùng nhiều chiêu thức để tự do sử dụng nó? Tại sao Mỹ có thể sử dụng các căn cứ quân sự và không quân trên đất Thổ Nhĩ Kỳ để tiến hành các hoạt động khiêu khích chống Liên Xô mà không cần phải thông báo và được sự chấp thuận của phía Thổ Nhĩ Kỳ?...

Ngoài ra, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ còn

⁶ *The NATO Story*. Manhattan Publishing Company, New York, 1969, p. 76.

đưa ra hàng loạt yêu cầu buộc Mỹ và Hội đồng NATO phải xem xét và điều chỉnh lại như đề nghị Mỹ sửa đổi các hiệp ước song phương giữa Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ đã kí kết trước đây; yêu cầu NATO chấp thuận Thổ Nhĩ Kỳ thành lập Ủy ban Kiểm soát các hoạt động quân sự của Mỹ trên lãnh thổ, lãnh hải và không phận Thổ Nhĩ Kỳ, cho phép Thổ Nhĩ Kỳ giảm quân số trong lực lượng NATO, cho phép Thổ Nhĩ Kỳ tham gia sâu rộng hơn vào việc hoạch định chính sách và chiến lược lớn của NATO,...

Ảnh hưởng của việc Pháp rút ra khỏi Ủy ban Quân sự NATO còn lan sang nhiều nước khác như Canada, Cộng hòa Liên bang Đức, Bỉ, Lucxembua, Italia... là những đồng minh thân cận của Mỹ và là thành viên tích cực của NATO. Sau tuyên bố của Pháp, chính phủ Canada quyết định xem xét lại chính sách đối ngoại của mình; giảm số quân nhân đang làm nhiệm vụ tại Cộng hòa Liên bang Đức; giảm mức đóng góp tài chính hàng năm cho NATO... Phát biểu tại Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng NATO tháng 2 năm 1967, Bộ trưởng Quốc phòng Canada tuyên bố: “Việc Canada đưa ra quyết định trên là nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ... và đã đến lúc Canada đặt quyền lợi an ninh và quốc phòng quốc gia lên trên hết”.⁷

Như vậy, có thể thấy rằng việc nước Pháp rút ra khỏi Ủy ban Quân sự NATO

trong những năm 60 của thế kỉ XX không chỉ tạo nên những thay đổi to lớn trong tổ chức và hoạt động của NATO, mà còn là nguyên nhân tạo nên sự rạn nứt và bất đồng sâu sắc trong nội bộ Khối kéo dài trong nhiều năm. Hành động của Pháp và những hệ lụy của nó cũng đã phản ánh đúng bản chất và quy luật xung đột quyền lợi của các nước lớn, tính chất phi nghĩa của các khối, các liên minh chính trị-quân sự mà chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ đã dựng lên trong thập kỉ 50-60 của thế kỉ trước.

Tài liệu tham khảo

1. Dịch Cường (2009), *Thăng trầm của một siêu cường*, NXB Thời đại, Hà Nội.
2. Từ Thiên Tân – Lương Chí Minh, *Lịch sử thế giới thời đương đại 1945-2000*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *NATO trong thời kì Chiến tranh Lạnh 1949-1991(2008)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Tổng cục II – Bộ Quốc phòng, Viện 70 (2006), *Nghiên cứu cơ bản về Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)*, Hà Nội.
5. *NATO – Threat to World Peace*, Progress Publishers, Moscow, 1971.
6. *The NATO Story*, Manhattan Publishing Company, New York, 1969.

⁷ NATO – Threat to World Peace, sđd, p. 122.